

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Nga

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gám - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2021/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 745/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn T, địa chỉ: Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Vũ Thị C, địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn là ông Đoàn Văn T trình bày: Ông và bà Hoàng Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1971 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có 04 người con chung là Đoàn Văn X, Đoàn Thị T, Đoàn Thị T và Đoàn Văn L. Đến năm 1984, ông T và bà Đ phát sinh mâu thuẫn. Năm 1985 ông T tự

nguyên chung sống như vợ chồng với bà Vũ Thị C, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T và bà C chung sống với nhau tại thôn Đ, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng được một thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, ông T bỏ về Đ, Đ, D, Hải Phòng sống cùng vợ cả là bà Hoàng Thị Đ từ năm 1990 đến nay, không còn quan tâm đến bà C. Hiện tại ông T và bà Đ vẫn cùng nhau chung sống tại Đ, Đ, D, Hải Phòng. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà C không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Đoàn Văn B sinh năm 1986, đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông T không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Vũ Thị C trình bày nội dung hoàn toàn thống nhất như ông T đã nêu, bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và đồng ý với đề nghị xin ly hôn của ông T. Về con chung, tài sản chung: Bà C cũng hoàn toàn nhất trí như nội dung ông T đã trình bày và bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các biên bản xác minh tại gia đình, địa phương đều thể hiện ông T và bà C không đăng ký kết hôn, trong khoảng thời gian ông T và bà C chung sống với nhau như vợ chồng thì giữa ông T và bà Đ vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân. Đồng thời các biên bản xác minh cũng thể hiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, con chung như ông bà đã khai.

Tại phiên tòa, ông Đoàn Văn T và bà Vũ Thị C đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà C; về con chung, tài sản chung các đương sự đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí: Ông T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn Văn T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với bà Vũ Thị C. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà C là bị đơn trong vụ án và cư trú tại xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Đoàn Văn T và bà Vũ Thị C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn T và bà Vũ Thị C tự nguyện xây dựng hạnh phúc và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 1990. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với bà C. Bà C cũng đồng ý với đề nghị của ông T. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông T đề nghị được ly hôn với bà C là có căn cứ. Tuy nhiên, trước đó ông Đoàn Văn T và bà Hoàng Thị Đ đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1971, không đăng ký kết hôn và có 04 người con chung, hiện tại ông T và bà Đ vẫn cùng nhau chung sống tại Đ, Đ, D, Hải Phòng. Như vậy theo quy định tại Điều 2, Điều 4, Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình: "a. Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ;

... Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;"; điểm d khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình: "d. Được coi là nam nữ sống chung như vợ chồng, nếu họ có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000..." thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà C vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình - nguyên tắc một vợ, một chồng, vi phạm các điều kiện về kết hôn, vi phạm điều cấm của pháp luật nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, giải quyết cho ông T được ly hôn bà C và tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông T và bà C.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng, ông bà không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông T và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T là nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng không đề nghị miễn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông T và bà C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 4, Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn T và bà Vũ Thị C;

2. Về án phí: Ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đoàn Văn T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0019308 ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Ông Đoàn Văn T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Đoàn Văn T và bà Vũ Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên